

BÁO CÁO

Tình hình điều tiết nước phục vụ sản xuất
(từ ngày 21/6/2025 đến 27/6/2025)

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ HÈ THU 2025

Diện tích phục vụ vụ Hè Thu năm 2025: 31.070,7 ha/ 24.858 ha (KH vụ Hè Thu)/68.867 ha/ năm (kế hoạch SXKD) ha đạt 125% so với KH và đạt 45,1% so với kế hoạch năm.

1. Khu vực Củ Chi: 17.123,2 ha; cụ thể:

– Lúa: 5.371,6 ha (CTTL kênh Đông Củ Chi: 4.567,4 ha; CTTL AP-PMH: 23,3 ha; CTTL Thai Thai – Bến Súc: 12,7ha; CTTL Láng The-Sông Lu: 75,4 ha; Cây Xanh-Bà Bép: 42,2 ha; CTTL Tân Thạnh Đông: 620,6 ha; CTTL Bắc rạch Tra: 30,0ha);

– Rau màu: 855,7 ha;

– Cây CN dài ngày, cây ăn quả: 2.703,9 ha;

– Nuôi trồng thủy sản: 254,2 ha

– Tiêu thoát nước nông nghiệp: 4.320,2 ha;

– Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị, trừ vùng nội thị: 3.617,6 ha.

Hiện nay khu vực đã thu hoạch 1.540,3 ha , cụ thể như sau:

– Lúa : 684,6 ha (Trung Lập Thượng: 143,8 ha, Trung Lập Hạ: 101,5 ha, Thái Mỹ: 6,5 ha; Phước Thạnh: 316,1 ha, Phước Hiệp: 34,5 ha, An Nhơn Tây: 5,0 ha; Nhuận Đức: 5,30 ha; Tân An Hội: 24,9 ha; Tân Phú Trung: 43,0 ha; Láng The – Sông Lu: 4,0 ha);

– Rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày: 855,7 ha.

2. Khu vực Hóc Môn – Bắc Bình Chánh: 6.980,2 ha:

– Lúa: 885,2 ha (Tân Thới Nhì: 198,1 ha, Xuân Thới Sơn: 87,5 ha; Xuân Thới Thượng: 87,9 ha; Tân Kiên: 73,6 ha; Tân Nhựt: 214,2 ha; Lê Minh Xuân: 141,3 ha; Vĩnh Lộc B: 14,5 ha, Tân Tạo A: 68,1 ha);

– Cây CN dài ngày, cây ăn quả: 1.537,4 ha;

– Nuôi trồng thủy sản: 54,8 ha.

– Rau màu, cây CN ngắn ngày: 158,2 ha.

– Tiêu thoát nước đất nông nghiệp: 1.853,2 ha;

– Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị: 2.491,4 ha.

3. Khu vực Nam rạch Tra: 3.733,4 ha, cụ thể:

– Lúa: 12,4 ha;

– Cây CN dài ngày, cây ăn quả: 273,1 ha;

– Rau màu, cây CN ngắn ngày: 332,7 ha;

– Nuôi trồng thủy sản: 23,9 ha;

– Tiêu thoát nước: 3.091,3 ha.

4. Khu vực Thủ Đức: Tiêu thoát nước 3.233,9 ha.

II. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, CẤP NƯỚC

1. Lượng nước sử dụng:

1. Lượng nước sử dụng:

a. Lượng nước trong tuần qua CĐT K34 và CĐK N25 từ ngày 21/06/2025 đến ngày 27/06/2025: 7.773.408 m³, cụ thể:

Ngày	K34					N25	
	MNTL	MNHL	A	Q(m ³ /s)	W(m ³)	Q(m ³ /s)	W(m ³)
21/06/2025	13,55	13,31	0,9	9,17	792.355	2,83	244.839
22/06/2025	13,58	13,32	0,9	9,55	824.709	2,93	253.433
23/06/2025	13,55	13,3	0,9	9,36	808.693	3,21	277.622
24/06/2025	13,66	13,38	0,9	9,91	855.841	3,30	285.229
25/06/2025	13,72	13,43	0,9	10,08	870.990	3,21	277.622
26/06/2025	13,7	13,41	0,9	10,08	870.990	3,21	277.622
27/06/2025	13,7	13,42	0,9	9,91	855.841	3,21	277.622
Tổng cộng					5.879.419		1.893.989

b. Lượng nước sử dụng từ ngày 21/06/2024 đến 27/06/2025 là **237,51** triệu m³, bằng 93,262% so cùng kỳ và bằng 63,170% so kế hoạch năm (trong đó K34+644: 175,46 triệu m³, K0 – N25: 62,05 triệu m³).

c. Tình hình điều tiết nước: Tăng cường kiểm tra, phối hợp điều tiết vận hành công trình đảm bảo cấp đủ nước phục vụ sản xuất và cấp nước thô cho các nhà máy nước kênh Đông, khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi.

2.Chất lượng nguồn nước kênh Đông: Độ đục dao động từ (17,1 ÷ 34,8) NTU và pH dao động từ (7,05 ÷ 7,24).

3.Mức nước Hồ Dầu Tiếng: Dao động từ (19,19 ÷ 19,65) m.

Ngày	Mức nước năm 2025 (m)	Mức nước năm 2024 (m)
27/06/2025	19,21	19,48
26/06/2025	19,20	19,47
25/06/2025	19,19	19,45
24/06/2025	19,31	19,42
23/06/2025	19,44	19,36
22/06/2025	19,54	19,33
21/06/2025	19,65	19,28

4.Lượng mưa đo được tại các trạm:

STT	Trạm	Mưa trong tuần (mm)	Mưa lũy tiến trong năm 2025 (mm)
1	Xí nghiệp Củ Chi	52	532
2	N25-2	27	525
3	N31A (K0)		534
4	Trung An	29	97
5	N25	24	362
6	Bắc Rạch Tra		58
7	K9-N46	40	789

8	An Phú	7	441
9	Thai Thai - Bến Súc	9	428
10	Xí nghiệp HM-BC	19	666
11	Cụm T10	13	722
12	Cụm kênh C	10	607
13	Gò Dưa	13	752
14	Ba Thôn	31	731
15	Ông Đụng	39	759

5. Diễn biến mực nước triều, chất lượng nước trong tuần:

– Mực nước Max trong tuần:

+ Công Gò Dưa	: + 1,22 m
+ Công Ba Thôn	: + 1,18 m
+ RT12 (bắc Rạch Tra)	: + 1,12 m
+ Công kênh C	: + 1,19 m
+ Công An Hạ	: + 1,02 m

– Chất lượng nước:

STT	Vị trí	Độ pH	
		PS	PD
1	Công Tân Kiên	7,1	7,0
2	Công kênh C	7,0	6,9
3	Công kênh B	6,9	6,5
4	Công kênh A	6,9	6,7
5	Ngã ba Lý Mạnh	6,8	
6	Công cuối kênh Ranh	7,0	
7	Công An Hạ	6,4	6,7
8	Công T10	6,4	

III. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH:

– Tổ chức trực và vận hành công trình đảm bảo an toàn; trữ nước phục vụ sản xuất, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp và ngăn triều cường:

– Khu vực 5 cống ngăn triều Thủ Đức: Vận hành đảm bảo an toàn công trình, phục vụ tốt sản xuất và dân sinh trên khu vực;

– Tình hình vận hành cống Ba Thôn, Đá Hàn: Vận hành công trình đúng quy trình, kiểm tra đảm bảo an toàn công trình, ngăn triều, tiêu thoát nước tốt phục vụ sản xuất.